

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Thực hiện Công văn số 226-CV/ BTGTU, ngày 17/02/2023 của Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ về “*Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”, Huyện ủy Bảo Lâm báo cáo kết quả thực hiện như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

Đặc điểm tình hình và công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI

I. Đặc điểm, tình hình và những tác động đến quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh uỷ, UBND Tỉnh, Sở GDĐT, Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, UBND huyện đã chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo mạnh dạn tìm tòi, đổi mới cách làm, phát huy ý chí tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, cụ thể hóa đường lối đổi mới vào thực tiễn địa phương; khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh sẵn có, huy động mọi nguồn lực cho sự phát triển giáo dục, đào tạo. Đặc biệt, toàn ngành giáo dục đã nỗ lực, quyết tâm vượt qua những khó khăn, thách thức để đưa sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện có những chuyển biến căn bản và toàn diện theo hướng hiện đại, là cơ sở để nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt là 57/61 trường, đạt tỷ lệ 93.44%. Cơ sở vật chất, trường, lớp và thiết bị dạy học, cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hoá và hiện đại, đáp ứng tốt yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học, đổi mới giáo dục và xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục.

Chất lượng dạy và học, chất lượng giáo dục được nâng lên hằng năm, xếp loại hai mặt giáo dục của học sinh cuối năm học có sự tiến bộ qua từng năm và đạt mức khá so với mặt bằng chung toàn tỉnh. Giáo dục mũi nhọn được tăng cường, số lượng và tỷ lệ học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh đều tăng, đã có học sinh tham gia dự thi và đạt giải khu vực, quốc gia; các hội thi, cuộc thi, giao lưu theo chỉ đạo của ngành được tổ chức nghiêm túc, thu hút nhiều đối tượng học sinh, giáo viên tham gia và đạt giải.

Đội ngũ nhà giáo đã có những bước tiến vững vàng, đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; gương mẫu hưởng ứng và thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước...

2. Khó khăn

Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân trong việc duy trì sĩ số học sinh gặp nhiều khó khăn; vẫn còn một số ít đơn vị trường học có học sinh bỏ học.

Tính đến cuối năm 2022, vẫn còn 33 điểm trường (Mầm non 19, tiểu học 12, THCS 02) máy vi tính để giảng dạy cho học sinh ở một số trường còn thiếu, chưa đảm bảo 01 máy/01 học sinh; một số trường học phòng chức năng, nhà đa năng,... còn thiếu theo quy định.

Trình độ đội ngũ toàn ngành (theo Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019) còn 14.7% giáo viên có trình độ chưa đạt chuẩn đang tiếp tục theo học các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ giáo viên trên địa bàn huyện chưa thực sự đồng đều. Việc thực hiện nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và quy trình kiểm tra đánh giá ở một số trường và một số giáo viên chưa phù hợp với đối tượng học sinh, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Một bộ phận giáo viên do sức ép của những biến động của xã hội đã có biểu hiện suy giảm lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm với công việc.

Chất lượng dạy học tại một số trường vùng khó khăn và vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế; một số giáo viên lớn tuổi kỹ năng sư phạm chưa đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học và yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới, đặc biệt là việc tiếp cận công tác chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

II. Quá trình quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết

1. Công tác nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết

Hằng năm, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh, Sở GDĐT, Huyện ủy giao Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp với ngành GDĐT tham mưu Huyện ủy xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng, học tập chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của các đơn vị trường học trên địa bàn huyện. Bồi dưỡng tư tưởng chính trị và quán triệt, học tập Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương và các chủ trương, chính sách, nghị quyết, chương trình, kế

hoạch hành động của Đảng về đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Kết quả từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2022 - 2023, đã tổ chức được 104 lớp với 13.966 lượt cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của các trường trên địa bàn huyện tham gia.

Nhìn chung qua triển khai, quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 đã giúp cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hiểu sâu, nắm vững những quan điểm, chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; luôn yên tâm, nhiệt tình, trách nhiệm trong công tác, chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh tiếp cận được những vấn đề đổi mới về chương trình sách giáo khoa, về kiểm tra, đánh giá. Trong đó, việc đổi mới tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông, thi tốt nghiệp trung học phổ thông nhận được sự quan tâm ủng hộ và đồng thuận cao của người dân; cơ sở vật chất cho giáo dục được quan tâm, nhiều trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia, xanh - sạch - đẹp - an toàn.

2. Công tác tuyên truyền Nghị quyết

Huyện ủy giao Ban Tuyên giáo Huyện ủy phối hợp với ngành GDĐT hướng dẫn các đơn vị trường học thường xuyên tổ chức tuyên truyền trong các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết và đăng tải trên trang thông tin điện tử của ngành và của các đơn vị trường học. Nội dung tuyên truyền tập trung triển khai 9 nhiệm vụ và 7 nhóm giải pháp được nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ; Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình hành động số 74-CTr/TU ngày 11/02/2014 của Tỉnh ủy Lâm Đồng; Chương trình hành động số 73-CTr/HU ngày 18/4/2014 của Huyện ủy Bảo Lâm về việc thực hiện Chương trình hành động số 74-CTr/TU ngày 11/02/2014 của Tỉnh ủy Lâm Đồng; Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 25/10/2019 về triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 04/5/2020 về việc bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn huyện Bảo Lâm năm 2020 đã tạo sự đồng thuận về nhận thức và hành động.

3. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết

Trên tinh thần quán triệt các nội dung Nghị quyết, Chương trình hành động số 74-CTr/TU ngày 11/02/2014 của Tỉnh ủy Lâm Đồng, Chương trình hành động số 73-CTr/HU ngày 18/4/2014 của Huyện ủy. UBND huyện đã ban hành Quyết định số 4400/QĐ – UBND ngày 16/10/2013 của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng “xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020” huyện Bảo Lâm; Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 25/10/2019 về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 04/5/2020 về việc bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn huyện năm 2020.

Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục đã căn cứ Chương trình hành động của Huyện ủy, Kế hoạch của UBND huyện và tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đồng thời tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ vào Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đại phương.

PHẦN THỨ HAI

Kết quả, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm qua 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013

I. Kết quả thực hiện

1. Về nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền đối với đổi mới giáo dục và đào tạo

Các cấp ủy Đảng đã tập trung chỉ đạo, quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013, chỉ đạo triển khai và tổ chức thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Huyện ủy.

Công tác xây dựng Đảng, phát triển đảng viên, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong các cơ sở giáo dục, nhất là đội ngũ giáo viên được quan tâm. Hằng năm, Ban Tuyên giáo phối hợp với Phòng GDĐT tham mưu Huyện ủy xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng, học tập chính trị hè cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện. 100% cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục có trình độ trung cấp lý luận chính trị và các đối tượng nằm trong quy hoạch cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục đều được cử tham gia các lớp trung cấp lý luận chính trị. Đến nay toàn ngành có 748/1898 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động là đảng viên (tỉ lệ 39,4%), tăng 13,93% so với năm 2013 (năm 2013, toàn ngành có 489/1920 cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên, tỉ lệ 25,47%). Cấp ủy các nhà trường đã thực sự đi đầu đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân về việc tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo. Công tác kiện toàn tổ chức, cán bộ làm công tác quản lý giáo dục được quan tâm triển khai thực hiện.

Trong 10 năm qua, Huyện ủy đã chỉ đạo UBND huyện tổ chức các đợt tuyển dụng viên chức cho các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc đáp ứng nhu cầu vị trí việc làm và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; làm tốt công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là vùng sâu, vùng xa của huyện.

Đồng thời, trong 10 năm qua, huyện Bảo Lâm đã tập trung chỉ đạo xây dựng các nội dung, danh mục cần đầu tư xây dựng giai đoạn 2014 - 2015 và lộ trình xây dựng đến năm 2020 của Đề án kiên cố hóa trường lớp, nhà công vụ giáo viên; ban hành Kế hoạch số 78/KH-HU ngày 25/7/2018 của Huyện ủy Bảo Lâm về

việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”, UBND huyện đã ban hành các Đề án số 3540/ĐA-UBND ngày 01/11/2018 “Đề án sắp xếp, điều chỉnh lại mạng lưới trường, lớp; tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn huyện Bảo Lâm giai đoạn 2018-2021”, Đề án số 1147/ĐA-UBND ngày 14/5/2021 “Đề án tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Bảo Lâm giai đoạn 2021 – 2025”, Đề án số 1726/ĐA-UBND ngày 27/06/2022 của UBND huyện về việc sắp xếp, tổ chức lại các trường học trực thuộc giai đoạn 2022 – 2025. Đến cuối năm 2022, giảm được 05 trường, 16 điểm trường lẻ so với năm 2013.

Công tác đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được quan tâm triển khai thực hiện; thường xuyên rà soát hệ thống trường lớp, xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; được tập trung đầu tư nhiều nguồn vốn, chương trình, dự án, qua đó góp phần đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường và đẩy nhanh việc xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia. Đến cuối năm 2022, toàn huyện có 55/61 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, tỉ lệ 90,16%; khối trường học do Phòng GDĐT quản lý có 52/59 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 88.1%.

Các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường, luôn gắn với việc triển khai các nhiệm vụ chính trị của ngành, đặc biệt là thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh cùng các tổ chức đoàn thể và nhân dân địa phương để xây dựng nhà trường. Các đơn vị trường học trên địa bàn huyện đã triển khai thực hiện tốt Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ; hằng năm đều rà soát, bổ sung các nội dung quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa lãnh đạo và các đoàn thể trong đơn vị, quy chế chỉ tiêu nội bộ và thực hiện công khai theo quy định của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có bản lĩnh chính trị, phẩm chất tốt, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu hoàn thành nhiệm vụ, không có những biểu hiện tiêu cực. Công tác giáo dục đạo đức học sinh được các nhà trường quan tâm, học sinh chăm ngoan, chất lượng ngày càng được nâng cao, không có hiện tượng bạo lực học đường xảy ra.

2. Về đổi mới đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực người học

Trong những năm qua Huyện đã tập trung triển khai Chương trình giáo dục phổ thông theo yêu cầu của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 và Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội. Thực hiện tốt công tác bồi

dưỡng đội ngũ về phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học; chỉ đạo các trường trên cơ sở chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành giao quyền chủ động cho đạo giáo viên, tổ chuyên môn xây dựng chương trình, kế hoạch dạy học phù hợp với học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường. Chú trọng tới việc giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh, tổ chức giờ học lấy học sinh làm trung tâm nhằm phát huy tư duy sáng tạo, tích cực của học sinh, đảm bảo hài hoà đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ, dạy nghề theo hướng dẫn của Sở GDĐT, Bộ GDĐT.

Các cấp học trong huyện đã xác định rõ mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng cấp học như: Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời. Mục tiêu chương trình giáo dục tiểu học giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt. Mục tiêu chương trình giáo dục trung học cơ sở giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học; tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội; biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng; có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

Công tác giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân được quan tâm chỉ đạo. Các trường học đã đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức, lối sống, tích hợp các chuyên đề lồng ghép trong các môn học/hoạt động giáo dục (học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05/CT-TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị; giáo dục sức khỏe, giáo dục bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục về chủ quyền biên giới biển, đảo, tiết kiệm năng lượng; đảm bảo an ninh, trật tự trường học, phòng chống tội phạm, ngăn ngừa bạo lực, tệ nạn xã hội trong học sinh, ...).

100% các cơ sở giáo dục thực hiện đa dạng hóa các hình thức học tập, đặc biệt trong năm 2020, 2021 và đầu năm 2022 do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, thông qua các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên, các cơ sở giáo dục đã chủ động xây dựng các phương án dạy học nhằm thích ứng với dịch bệnh Covid-19 (dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp kết hợp với dạy học trực tuyến, ...); chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; tổ chức dạy học STEM. Đã triển khai thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ” dạy tiếng Anh theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở các trường tiểu học, trung học cơ sở và một số trường mầm non trên địa bàn; đội ngũ giáo viên tiếng Anh đủ về số lượng và thường xuyên được tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực

ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Số lượng trường, lớp, học sinh học theo Đề án tăng, chất lượng dạy học có nhiều tiến bộ. Cụ thể:

Cấp tiểu học: Năm 2013, có 11 trường/53 lớp/1.287 học sinh học tiếng Anh theo Đề án từ lớp 3 đến lớp 5. Đến cuối năm 2022, 100% các trường có cấp tiểu học triển khai dạy học tiếng Anh Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với 76 lớp/2.315 học sinh; dạy học tiếng Anh theo Đề án là 21 trường (ở lớp 4, lớp 5) với 124 lớp/ 3871 HS.

Cấp trung học cơ sở: Năm 2014, có 02 trường triển khai dạy Đề án tiếng Anh cho 339 học sinh khối 6. Đến cuối năm 2022, 100% các trường có cấp trung học cơ sở triển khai dạy học tiếng Anh Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với 120 lớp/3.959 học sinh; có 20/20 trường thực hiện dạy theo chương trình phổ thông 2006 đối với các lớp 8, 9.

100% cơ sở giáo dục trang bị các thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, dạy và học. Tiếp tục triển khai giảng dạy môn Tin học và nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho học sinh các cấp học, triển khai dạy ứng dụng công nghệ thông tin theo cách tích hợp trực tiếp vào trong các môn học và giới thiệu những website hữu ích phục vụ cho việc học tập của học sinh, hướng dẫn chọn lọc khi tham gia tìm kiếm thông tin trên Internet.

Công tác giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm triển khai thực hiện. Hằng năm, trong dịp hè, Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường tiểu học mở các lớp tăng cường Tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số 5 tuổi trước khi vào lớp 1; tăng cường tổ chức các chuyên đề, hội thảo nhằm quản lý chặt chẽ việc chuyên cần, duy trì sĩ số học sinh, hạn chế thấp nhất học sinh dân tộc bỏ học,... thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt cho học sinh; tổ chức các hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp để tăng cường giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động trải nghiệm giúp các em tự tin, mạnh dạn hơn; kịp thời động viên và khen thưởng kịp thời những học sinh dân tộc có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập. Do đó, chất lượng giáo dục và duy trì sĩ số học sinh dân tộc thiểu số được nâng lên. Cụ thể:

*** Năm 2013**

- Tổng số học sinh dân tộc: 5.303 học sinh (trong đó, tiểu học: 3.490 học sinh; trung học cơ sở: 1.813 học sinh).

- Kết quả xếp loại học lực (Khá, Giỏi):

+ Tiểu học: Giỏi: 335/3.490, tỉ lệ: 9.54%; Khá : 917/3.490, tỉ lệ: 26.27%;

+ THCS: Giỏi: 79/ 1.813, tỉ lệ: 4,35% ; Khá: 573/1.813, tỉ lệ: 31,6%.

- Xếp loại hạnh kiểm:

+ Thực hiện đầy đủ: Tiểu học 3.490/3.490 học sinh dân tộc; tỉ lệ: 100%.

+ Hạnh kiểm bậc THCS: Tốt : 1.213/1.813, tỉ lệ 66,9% ; Khá 707/1.813, tỉ lệ 38,99%; Trung bình: 167/1.813, tỉ lệ 9,21%; Yếu: 12/1.813, tỉ lệ 0,66%.

- Công tác duy trì sĩ số: Tiểu học đạt 99.8%; Trung học cơ sở đạt 98.47 %

*** Năm 2022**

- Tổng số học sinh dân tộc: 6.818 học sinh (trong đó, tiểu học: 4.545 học sinh; trung học cơ sở: 2.273 học sinh).

- Kết quả học tập, học lực:

+ Tiểu học: Có 4.284/4.545 học sinh dân tộc xếp loại học tập từ hoàn thành trở lên, đạt 94,25%

+ THCS: có 1.030/2.273 học sinh dân tộc đạt học lực từ Khá trở lên (45.3%).

- Kết quả rèn luyện, hạnh kiểm:

+ Tiểu học: Có 4.376/4.545 học sinh dân tộc xếp loại phẩm chất từ Đạt trở lên, tỷ lệ 98,28%.

+ THCS có 2.233/2.273 học sinh dân tộc đạt từ Khá trở lên (98.1%).

- Số học sinh dân tộc bỏ học: cấp THCS: 92/2.273 học sinh dân tộc, tỷ lệ 3,58%.

3. Về đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực khách quan

Trong những năm qua, trước yêu cầu nâng cao chất lượng, đảm bảo chất lượng giáo dục thực chất và bền vững. UBND huyện đã chỉ đạo Phòng GD và DT chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện đã tập trung đổi mới phương pháp dạy học gắn với đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh; chú trọng kĩ năng ra đề, soạn đáp án và chấm thi. Trong công tác kiểm tra, đánh giá định kỳ đảm bảo nguyên tắc xây dựng ma trận đề đáp ứng được bốn cấp độ (*nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao*); đề kiểm tra có thể kết hợp hình thức tự luận, trắc nghiệm. Nội dung kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá những nội dung vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông; không kiểm tra, đánh giá đối với các nội dung phải thực hiện tình huống theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét, khuyến khích thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục. Đối với môn Lịch sử ở cấp trung học cơ sở tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ; câu hỏi mở tạo điều kiện cho học sinh tự biểu đạt chính kiến của mình về các vấn đề Lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ sự kiện một cách máy móc. Đối với học sinh khuyết tật hòa nhập thực hiện kiểm tra đánh giá phù hợp với từng đối tượng học sinh khuyết tật theo các quy định hiện hành của Bộ GDĐT. Trong các đợt kiểm tra cuối kì ở cấp trung học cơ sở, thực hiện đề thi chung ở môn Toán, Ngữ văn, tiếng Anh nhằm đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Việc đánh giá xếp loại chất lượng học tập, rèn luyện của học sinh thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo từng cấp học:

+ *Đối với bậc tiểu học*: Đổi mới đánh giá học sinh theo chỉ đạo của Bộ GDĐT⁽¹⁾ đã dần đi vào thực tiễn, giúp cho cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học khắc phục được những bất cập, khó khăn tổ chức thực hiện đổi mới trong dạy và học. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đã nắm vững về cách nhận xét, đánh giá học sinh theo đúng tinh thần của các Thông tư. Việc đánh giá học sinh tiểu học đã tạo được sự đồng thuận trong xã hội; giáo viên quan tâm đến từng đối tượng học sinh, tổ chức các hoạt động dạy học nhẹ nhàng, thiết thực, hiệu quả hơn. Tăng cường khảo sát năng lực học sinh với mục tiêu định hướng cho các nhà trường trong công tác quản lý, chỉ đạo tiếp cận với yêu cầu đánh giá năng lực và phẩm chất học sinh tiểu học. Trên cơ sở đó, cán bộ quản lý các nhà trường đã rút kinh nghiệm đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy học.

+ *Đối với cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông*: Đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh⁽²⁾; nâng cao chất lượng kiểm tra đánh giá thường xuyên, định kỳ. Giáo viên đã chủ động kết hợp một cách hợp lý, phù hợp giữa kiểm tra cả lý thuyết và thực hành, giữa hình thức trắc nghiệm với tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan. 100% các trường có cấp trung học cơ sở đã xây dựng bộ đề kiểm tra định kỳ theo hướng dẫn của Sở GDĐT, Phòng GDĐT. Hằng năm, căn cứ vào Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT, ban hành Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp trung học cơ sở và tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định Ban chỉ đạo phối hợp tổ chức kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn huyện đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở có sự chuyển biến: năm 2013 là 1690/1699, tỉ lệ 99.47%; năm 2022 là 1779/1782, tỉ lệ 99.83%.

- *Về kết quả giáo dục phổ thông*: Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2003, ngành Giáo dục huyện Bảo Lâm đã tích cực đổi mới nội dung chương trình, phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh; chất lượng giáo dục toàn diện được được nâng lên nhất là chất lượng đại trà đối với tiểu học và trung học cơ sở; chất

(1) Từ năm học 2014 - 2015, việc đánh giá, xếp loại học sinh được các nhà trường thực hiện một cách nghiêm túc theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ GDĐT. Từ năm học 2020 - 2021, đối với học sinh học Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được đánh giá theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

(2) Thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông. Đối với các lớp theo mô hình Trường học mới (VNEN) học sinh được đánh giá theo Công văn số 4669/BGDĐT-GDTrH ngày 10/9/2015 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn đánh giá học sinh trung học cơ sở theo mô hình trường học mới. Đến năm học 2020 - 2021, thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông và Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT. Đối với các khối lớp triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thực hiện kiểm tra, đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

lượng mũi nhọn học sinh giỏi có bước tiến vững chắc, các cuộc thi văn nghệ, thể dục thể thao do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức đều đạt thứ hạng cao.

- *Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo:* Được chỉ đạo chặt chẽ; yêu cầu các trường xác định rõ mục đích, tầm quan trọng của công tác kiểm định chất lượng giáo dục từ đó tổ chức thực hiện, có các giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Các cấp học đã bám sát các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục và thực hiện một cách nghiêm túc. Đến nay, hoạt động tự đánh giá đã được tiến hành đầy đủ ở tất cả các đơn vị trường học trên địa bàn huyện và có 57/61 trường công lập, tỉ lệ 93.44% (trong đó, 55/57 trường công lập trực thuộc) đã được tổ chức kiểm tra, đánh giá và đạt theo các cấp độ.

4. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

Công tác phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông: Thực hiện tốt 9 bài hướng nghiệp cho học sinh lớp 9, nhiều trường đã phối kết hợp với các trường cao đẳng nghề trên địa bàn tỉnh tuyên truyền về các ngành nghề của địa phương. Các trường có cấp trung học cơ sở trong huyện đã phối hợp với Trung tâm GDNN&GDTX làm tốt công tác tuyên truyền, tư vấn phân luồng và định hướng nghề nghiệp cho phụ huynh và học sinh.

Công tác xây dựng xã hội học tập: Hằng năm, huyện tổ chức “Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời” và chỉ đạo các đơn vị cơ sở giáo dục trên địa bàn tham gia tích cực các hoạt động hưởng ứng “Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời” tại địa phương nhằm nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của việc xây dựng xã hội học tập.

Chỉ đạo 14 xã, thị trấn thành lập Ban chỉ đạo và kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập, đồng thời kiện toàn Ban giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng. Các Trung tâm học tập cộng đồng đã được trang bị máy tính, máy chiếu phục vụ công tác tập huấn cũng như giảng dạy. Thông qua hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng đã nâng cao nhận thức trong đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân về việc chuyển đổi sang mô hình giáo dục mở, xác định xây dựng xã hội học tập là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, là mục tiêu cơ bản phát triển giáo dục.

Đồng thời chỉ đạo Phòng GD và ĐT phối hợp với Hội khuyến học tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện ban hành văn bản chỉ đạo triển khai công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập trên địa bàn huyện theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lâm Đồng⁽³⁾.

⁽³⁾Kế hoạch số 163/KH-UBND, ngày 29/12/2021 của UBND huyện “Kế hoạch triển khai Đề án “Xây dựng xã hội xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn huyện Bảo Lâm” và Quyết định số 329/QĐ- UBND, ngày 04/3/2022 của UBND huyện về việc thành lập Ban chỉ đạo triển khai Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn huyện Bảo Lâm; Thông báo số 51/TB-BCĐ ngày 16/3/2022 về việc phân công nhiệm vụ thành viên Ban chỉ đạo triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn huyện; Văn bản số 2860/UBND-VX ngày 17/10/2022 của UBND huyện Bảo Lâm về việc triển khai thí điểm Bộ tiêu chí công nhận

5. Về đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục và đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng

Chỉ đạo tăng cường phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường theo tinh thần Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; thực hiện Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND huyện về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng GDĐT huyện Bảo Lâm theo Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ GDĐT. Trên cơ sở đó, công tác quản lý chỉ đạo hoạt động giáo dục thông qua công tác tự kiểm nội bộ đơn vị của các trường học trực thuộc; chỉ đạo và thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra trách nhiệm của hiệu trưởng trong công tác quản lý nhà trường, trong công tác phòng, chống tham nhũng. Tăng cường công tác kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra chuyên đề,... để đánh giá kết quả triển khai nhiệm vụ năm học ở các trường học, kịp thời chấn chỉnh các tiêu cực, sai phạm trong hoạt động giáo dục. Các nhà trường đã thực hiện tốt việc phân cấp quản lý trong giáo dục, được tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xây dựng thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục phù hợp với từng cơ sở. Các trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, phân công trách nhiệm cho từng thành viên, công tác lãnh đạo quản lý luôn được coi trọng đã phát huy tốt tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giáo viên. Các cơ sở giáo dục đã xây dựng và triển khai nghiêm túc Quy chế dân chủ trong nhà trường, thực hiện tốt 3 công khai trong giáo dục.

Các giải pháp phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp được quan tâm chỉ đạo thực hiện; các trường học đã có nhiều cố gắng trong công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền các xã, thị trấn để huy động học sinh ra lớp, nâng cao chất lượng dạy học, xây dựng môi trường giáo dục. Công tác quản lý giáo dục luôn được đổi mới theo hướng phát huy dân chủ, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với công việc được giao. Cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin, báo cáo được thực hiện kịp thời, hiệu quả thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, mạng Internet.

6. Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

Công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đã được quan tâm và việc bồi dưỡng cán bộ quản lý đã gắn công tác với quy hoạch cán bộ. Để đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, Phòng đã tham mưu triển khai Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 04/5/2020 của UBND huyện về việc bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn huyện Bảo Lâm. Đồng thời, Phòng GDĐT thường xuyên hướng dẫn các đơn vị trường học trực thuộc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ quản lý,

giáo viên, nhân viên và động viên, khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của đơn vị tham gia đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn và nâng chuẩn. Hiện nay, toàn ngành có 13 cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ Thạc sĩ. Đến cuối năm 2022, tổng số cán bộ quản lý, giáo viên đạt Chuẩn trở lên chiếm tỉ lệ 85.3%; còn 14.7% giáo viên chưa đạt chuẩn theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019.

Các cơ sở giáo dục quan tâm xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ổn định về số lượng, đảm bảo về chất lượng; tuyên truyền nâng cao nhận thức, rèn luyện về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chuẩn bị cho việc triển khai Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, đã chỉ đạo các trường rà soát, bổ sung và lựa chọn, bố trí đội ngũ giáo viên đảm bảo có năng lực để giảng dạy các khối lớp theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Các cơ sở giáo dục phổ thông đã ký hợp đồng với Công ty Viettel Lâm Đồng để cung cấp tài khoản cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia tập huấn đại trà các mô đun Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Công tác rà soát, bổ sung quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý, điều động, luân chuyển đảm bảo chặt chẽ đúng quy trình. Đến nay tất cả các trường cơ bản đã đảm bảo về số lượng cũng như cơ cấu giáo viên đáp ứng yêu cầu, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong thời gian qua đã thực hiện tốt mọi chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định, ngoài ra còn có cơ chế như nâng lương trước thời hạn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có thành tích cao được các cấp khen thưởng.

7. Về đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo

Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tài chính trong giáo dục, đẩy mạnh xã hội hóa, quản lý có hiệu quả nguồn lực đầu tư cho giáo dục; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được tăng cường, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, chất lượng dạy và học được củng cố, trường lớp của huyện ngày một khang trang, đẹp hơn.

Đã tăng cường các giải pháp quản lý thu, chi tài chính; chấn chỉnh và không để xảy ra tình trạng lạm thu; các cơ sở giáo dục đã được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp và cơ sở giáo dục công lập theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Công tác quản lý điều hành ngân sách, kiểm tra, quyết toán, thu - chi tài chính được triển khai có kế hoạch, có hiệu quả.

Giải quyết kịp thời những bức xúc, khó khăn về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; huy động các nguồn lực để xây dựng phòng học, phòng bộ môn, thiết bị, thư viện và các phòng chức năng...; quan tâm đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư, cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình, phương pháp dạy học. Tỷ lệ phòng học kiên cố tăng 21.5% so với năm học 2013 - 2014 (Năm học 2013- 2014, tỷ lệ 71.6%, năm học 2022 - 2023, tỷ lệ 93,1%)

Số lượng và tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng khá nhanh, tăng 43 trường, 77.14% so với năm học 2013 - 2014 (Năm học 2013 - 2014, có 12/62 trường đạt chuẩn, tỷ lệ 19.35%. Năm học 2023 - 2024 có 55/57 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 96.49%).

8. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý

Tiếp tục phát động, khuyến khích phong trào nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm - giải pháp hữu ích trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Hằng năm đã chỉ đạo Phòng GDĐT tham mưu Hội đồng thi đua khen thưởng của huyện thành lập Hội đồng thẩm định, đánh giá ban đầu các đề tài của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đăng ký các danh hiệu thi đua, xếp loại viên chức để công nhận danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng bậc cao. Trong 10 năm qua, có nhiều báo cáo sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp hữu ích hay, được công nhận sáng kiến kinh nghiệm có phạm vi ảnh hưởng cấp huyện, cấp tỉnh.

Thực hiện chủ trương nghiên cứu khoa học trong học sinh, ngành Giáo dục đã triển khai Cuộc thi khoa học kỹ thuật; sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng và giáo dục STEM. Qua triển khai, được các trường và đông đảo cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh nhiệt tình hưởng ứng tham gia. Kết quả tham gia Cuộc thi khoa học kỹ thuật từ năm học 2013 - 2014 đến năm học 2022 - 2023, có 110 dự án của học sinh trung học cơ sở được công nhận cấp huyện; trong đó có 17 dự án được công nhận và xếp giải cấp tỉnh; 02 dự án được công nhận và xếp giải cấp quốc gia. Đặc biệt, trong năm học 2022 - 2023, Phòng GDĐT đã tổ chức ngày hội STEM dành cho học sinh trung học cơ sở với sự tham gia của gần 506 cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và 33 sản phẩm của 20 trường có cấp trung học cơ sở trên địa bàn huyện.

Phòng GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục đã triển khai và sử dụng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động quản lý và dạy học như: phần mềm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, phần mềm quản lý nhà trường, quản lý học sinh trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành, hệ thống vnEdu, quản lý công tác tài chính Misa, phần mềm quản lý thư viện, trang thiết bị dạy học, phần mềm quản lý dinh dưỡng bán trú, phần mềm cân đo, biểu đồ sức khỏe học sinh... góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý giáo dục và dạy học trong các cơ sở giáo dục.

Trang thông tin điện tử của Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục được cập nhật thường xuyên các chủ trương, chính sách, văn bản chỉ đạo điều hành ... tạo điều kiện cho các tổ chức, công dân tiếp cận thông tin kịp thời trên internet.

9. Về chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo

Trong 10 năm qua, các trường được thụ hưởng các hỗ trợ của Chương trình SEQAP, tổ chức Room to Read và Tổ chức World Share đều thực hiện đúng các qui định, quy chế của Nhà nước; đã quản lý, sử dụng có hiệu quả các công trình được đầu tư về cơ sở vật chất, kinh phí về tập huấn, hỗ trợ học sinh...

II. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

1. Hạn chế, khuyết điểm

Công tác quản lý ở một số trường học còn chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục. Việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, vận dụng các phương pháp dạy học tích cực của một số giáo viên chưa cao.

Chất lượng giáo dục chưa đồng đều giữa các vùng, đặc biệt là vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số; công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học, nhất là trung học cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra; vẫn còn học sinh bỏ học; tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ đến trường thấp so với mức trung bình của tỉnh. Cơ cấu đội ngũ giáo viên ở một số trường chưa hợp lý.

Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trước đây chủ yếu là xây dựng phòng học để giải quyết nhu cầu về thiếu phòng học, xóa phòng học tạm, sửa chữa phòng học xuống cấp. Do vậy, hiện nay một số trường chưa có phòng học bộ môn, phòng đa năng, thiếu phòng làm việc và trang thiết bị dạy học. Việc thực hiện chủ trương xã hóa trong giáo dục và đào tạo chưa được triển khai thường xuyên và mang lại hiệu quả chưa cao.

2. Nguyên nhân

Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của một số cán bộ quản lý còn hạn chế, chưa năng động sáng tạo trong đổi mới quản lý theo hướng phân cấp, phân quyền cho cơ sở. Một số giáo viên chưa bắt kịp yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá; ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ chưa tích cực.

Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước nên còn hạn hẹp. Đời sống nhân dân trong huyện còn nhiều khó khăn nên việc huy động xã hội hóa, đóng góp của phụ huynh còn hạn chế.

III. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2003

Một số cơ sở giáo dục chưa có khu hiệu bộ, phòng học bộ môn, phòng chức năng, thiếu phòng học để tổ chức học 2 buổi/ngày. Có một vài trường học đã đến thời gian công nhận đạt chuẩn quốc gia, phải được kiểm tra công nhận lại nhưng cơ sở vật chất chưa đáp ứng được theo yêu cầu của Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT.

Các chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Tuy nhiên, trong những năm qua các cá nhân tham gia tự đào tạo nâng cao trình độ phải tự túc về kinh phí, đơn vị chỉ hỗ trợ về thời gian và bố trí sắp xếp công việc.

Một số vị trí hỗ trợ công việc (nhân viên như: cấp dưỡng, bảo vệ, y tế...) do không được giao trong tổng số người làm việc, các đơn vị phải tự cân đối ngân sách chi thường xuyên để chi lương dẫn đến nguồn kinh phí để đào tạo- bồi dưỡng giáo viên bị hạn chế.

Ngành Giáo dục đang thực hiện Đề án tinh giảm số lượng người làm việc 10%; thực chất đang tiến hành theo hướng giảm cơ học, chưa dựa trên cơ sở tính

toán sự phù hợp về cơ cấu bộ môn/trình độ chuyên môn được đào tạo của giáo viên theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ vẫn còn tồn tại, số lượng người làm việc được giao chưa có cơ cấu phù hợp với các môn học, giáo viên phải dạy chéo chuyên môn, vì vậy nhiều giáo viên chưa thật sự yên tâm công tác.

IV. Một số bài học kinh nghiệm

1. Muốn thực hiện thành công việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2003 phải có sự quan tâm, đầu tư, chăm lo, chung tay, vào cuộc và đồng thuận của toàn xã hội, sự phối hợp, ủng hộ của các cấp, các ngành, các địa phương, các đoàn thể trong đó ngành Giáo dục phải nêu cao vai trò chủ động, sáng tạo và quyết tâm cao.
2. Cần tích cực và chủ động tham mưu với cấp uỷ, chính quyền các cấp, đề xuất những chủ trương phát triển giáo dục, đào tạo phù hợp với địa phương; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phải sát thực tế và mang tính khả thi, có trọng tâm, trọng điểm với những giải pháp cụ thể, có tính đột phá, sáng tạo; thường xuyên rà duyệt tiến độ thực hiện kế hoạch để kịp thời có những giải pháp tháo gỡ, hoàn thành mục tiêu đề ra.
3. Xây dựng được đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý các cấp học đủ về số lượng, có năng lực và trình độ chuyên môn đạt chuẩn, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết và tận tụy với nghề, tất cả vì học sinh, thực sự là tấm gương cho học sinh noi theo. Đặc biệt, phải đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; người đứng đầu phải gương mẫu, thường xuyên học tập để nâng cao trình độ, năng lực và phẩm chất, có khả năng quy tụ và lãnh đạo tập thể hoàn thành nhiệm vụ.
4. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giữ vững và duy trì trật tự, kỷ cương, nền nếp các hoạt động giáo dục, phòng ngừa và ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực; xây dựng khối đoàn kết, nhất trí cao trong các đơn vị trường học, khơi dậy khả năng và thể mạnh của từng cá nhân để tạo sự đồng thuận và sức mạnh chung hoàn thành nhiệm vụ.
5. Triển khai có hiệu quả việc phát động và tổ chức các phong trào thi đua sâu rộng trong cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh; làm tốt công tác khen thưởng để động viên kịp thời và tạo động lực phấn đấu cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh, thúc đẩy các hoạt động dạy và học trong các nhà trường.

PHẦN THỨ BA

**Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu,
tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo**

I. Dự báo tình hình

1. Thời cơ, thuận lợi

UBND huyện luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh, Sở GD&ĐT, Huyện uỷ, HĐND huyện. Trong đó, tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình

hành động số 74-CTr/TU ngày 11/02/2014 của Tỉnh ủy Lâm Đồng; Chương trình hành động số 73-CTr/HU ngày 18/4/2014 của Huyện ủy Bảo Lâm về việc thực hiện Chương trình hành động số 74-CTr/TU ngày 11/02/2014 của Tỉnh ủy Lâm Đồng; Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 25/10/2019 về triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn huyện; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, gắn với việc xây dựng kế hoạch thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021; Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tạo điều kiện thuận lợi giúp ngành giáo dục và đào tạo triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Quy mô, mạng lưới các cấp học tiếp tục được điều chỉnh theo quy hoạch, gắn với việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ GDĐT; chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo được nâng cao nhận thức, được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, rèn luyện về phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và phân đầu hoàn thành nhiệm vụ theo mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Chất lượng giáo dục tiếp tục ổn định, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục, nội dung, phương pháp giảng dạy ở các cơ sở giáo dục tiếp tục được duy trì cùng với phong trào thi đua “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học” được duy trì và phát triển trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

2. Khó khăn, thách thức

Quy hoạch phát triển mạng lưới trường học và đội ngũ nhà giáo nhằm đảm bảo yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục trong điều kiện kinh tế của huyện còn khó khăn và nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục chưa nhiều.

Ngành giáo dục thực hiện đổi mới nội dung chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trong khi một số trường thiếu phòng học bộ môn, thiếu phòng làm việc (khu hiệu bộ) và trang thiết bị dạy học; đồng thời tình hình thừa, thiếu giáo viên sẽ là những khó khăn nhất định ảnh hưởng đến việc đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học so với sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện nay.

Khoảng cách chênh lệch giữa vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số là những thách thức ảnh hưởng đến việc triển khai đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; tỷ lệ học sinh bỏ học các cấp tuy giảm nhưng vẫn còn cao so với yêu cầu, ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục, xóa mù chữ nhất là việc nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Cơ cấu giáo viên chưa đồng bộ, (thừa thiếu giáo viên cục bộ) chưa đủ giáo viên chuyên để dạy đúng các môn của chương trình dẫn đến tình trạng dạy chéo ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai chương trình. Một số giáo viên triển khai dạy

chương trình mới chưa hiệu quả, còn lúng túng, còn hạn chế về đổi mới phương pháp dạy học và tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, sử dụng sách giáo khoa chưa linh hoạt.

Các hiện tượng tiêu cực nảy sinh từ mặt trái của cơ chế thị trường, môi trường xã hội đã tác động đến môi trường rèn luyện của nhà giáo và học sinh.

II. Phương hướng

1. Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2003, tạo sự nhất quán về nhận thức và hành động từ việc đề ra chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp đến kiểm tra kết quả thực hiện trong đội ngũ toàn ngành.

2. Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh quy mô lớp học khoa học, hợp lý; thu gọn các điểm trường theo nguyên tắc thuận lợi cho học sinh, phụ huynh và phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; đẩy mạnh xã hội hóa.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý, đạt chuẩn về trình độ, có phẩm chất, đạo đức tốt nhằm đưa giáo dục và đào tạo huyện phát triển đồng bộ, cân đối cơ cấu và quy mô, đa dạng hình thức học tập, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, suốt đời.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện gắn với đẩy mạnh giáo dục mũi nhọn, coi trọng giáo dục truyền thống, ý thức chấp hành pháp luật nhằm bồi dưỡng cho học sinh phát triển toàn diện, đáp ứng xu thế hội nhập, phát triển của đất nước.

5. Hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tốt các điều kiện dạy và học, đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục ở các cấp học, xây dựng xã hội học tập.

III. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Nâng cao hiệu quả công tác tham mưu để phát triển giáo dục và đào tạo

Tiếp tục chỉ đạo ngành giáo dục chủ động, sáng tạo và làm tốt công tác tham mưu để tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự phối hợp đồng bộ giữa các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể tại địa phương và nhân dân đồng thuận, chung tay thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành. Hằng năm, tham mưu Huyện ủy, UBND huyện đưa nhiệm vụ phát triển giáo dục vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và người dân

Tiếp tục quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2003 trong toàn ngành giáo dục, đào tạo và nhân dân để giáo dục thực sự là quốc sách hàng đầu. Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; phối hợp tốt giữa gia đình và nhà trường, các tổ chức và địa phương trong việc giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho con, em.

Làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng chính trị tư tưởng nâng cao phẩm chất cách mạng, đạo đức, lối sống cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên để 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng,

pháp luật của Nhà nước. Chống các tư tưởng, biểu hiện lệch lạc, bè phái, cục bộ; chống biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền trong nhân dân về phát triển giáo dục, hàng năm tổ chức tốt ngày hội “*Toàn dân đưa trẻ đến trường*” để tăng tỷ lệ huy động trẻ ra lớp. Phối hợp làm tốt công tác tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú để góp phần tạo nguồn cán bộ cho địa phương.

3. Đổi mới công tác quản lý

Tăng quyền chủ động của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường của đội ngũ cán bộ quản lý; đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền, trước hết là việc giao quyền chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường; thực hiện dân chủ trong trường học gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Tập trung chỉ đạo và tạo các điều kiện để triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng giáo dục vùng khó, vùng dân tộc thiểu số; đổi mới công tác quản lý giáo dục, triển khai đổi mới chương trình sách giáo mới.

Ứng dụng mạnh mẽ thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong ngành giáo dục; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục hướng tới nền giáo dục thông minh và thực hiện thành công Đề án chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học; bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu triển khai ngoại ngữ theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4. Về công tác phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Tiếp tục lãnh đạo thực hiện có hiệu quả công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, phân công công chức, viên chức của các trường học tinh gọn, hợp lý đảm bảo làm việc có hiệu quả theo tinh thần Kế hoạch của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

Chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của UBND huyện về thực hiện nâng trình độ đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2020 - 2030.

Từng bước triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2021 - 2026 và 2026 - 2030; triển khai công tác rà soát, sắp xếp, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đúng quy định.

Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học, bậc học về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 . Phát triển lực lượng cán bộ quản lý giáo dục có tầm nhìn và năng lực thích ứng đổi mới giáo dục hiện nay, tận tâm, có năng lực điều hành; khuyến khích đội ngũ nhà giáo và cán bộ

quản lý học tập nâng cao trình độ. Chỉ đạo làm tốt công tác đánh giá, xếp loại việc chức, xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp.

5. Quy hoạch, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương (khóa XII) và Đề án số 1147/ĐA-UBND ngày 14/5/2021 “Đề án tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Bảo Lâm giai đoạn 2021 – 2025”, Đề án số 1726/ĐA-UBND ngày 27/06/2022 của UBND huyện về việc sắp xếp, tổ chức lại các trường học trực thuộc giai đoạn 2022 – 2025.

Làm tốt công tác tham mưu, vận động các nguồn tài trợ từ các chương trình dự án, tranh thủ các nguồn lực của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học gắn với xây dựng nông thôn mới và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa và tăng cường tự chủ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các tập thể cá nhân, doanh nghiệp và nhân dân chăm lo đầu tư, hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị, cơ sở vật chất cho các nhà trường đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 ở các bậc học, quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực xã hội hóa.

7. Tiếp tục đẩy mạnh công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học

Tăng cường chỉ đạo giáo dục hướng nghiệp cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và qua tiết dạy hướng nghiệp theo chương trình quy định của Bộ GDĐT. Thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng nghiệp ở cấp trung học cơ sở, đẩy mạnh việc tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh.

IV. Đề xuất, kiến nghị với UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục đầu tư trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các đơn vị trường học để triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Thống nhất xây dựng một hệ thống quản lý về cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục, giảm bớt số lượng các phần mềm thống kê nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục.

Tăng cường đầu tư nguồn kinh phí chương trình mục tiêu hằng năm và bố trí biên chế về đội ngũ giáo viên, đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp theo đúng quy định.

Hỗ trợ kinh phí duy trì các phần mềm ứng dụng trong giáo dục và đào tạo.

Trên đây là báo cáo tổng kết 10 thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong

điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” trên địa bàn huyện Bảo Lâm./.

Nơi nhận:

- Thường trực TU
- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ,
- Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc,
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
- Phòng GDĐT,
- Lưu.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



K' Linh



PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ VĂN BẢN BAN HÀNH TỪ NĂM 2013-2023

(Kèm theo Báo cáo số 192 -BC/HU ngày 11/04/2023 của Huyện ủy Bảo Lâm)

1. Văn bản chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện

- Quyết định số 6875/QĐ – UBND ngày 26/12/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch phổ cập giáo dục huyện Bảo Lâm 2012 – 2020;
- Quyết định số 4400/QĐ – UBND ngày 16/10/2013 của UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng “xã hội học tập giai đoạn 2012 – 2020” huyện Bảo Lâm;
- Chương trình hành động số 73-CTr/HU ngày 18/4/2014 của Huyện ủy Bảo Lâm về việc thực hiện Chương trình hành động số 74-CTr/TU ngày 11/02/2014 của Tỉnh ủy Lâm Đồng và Quyết định số 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ GDĐT;
- Kế hoạch số 78/KH-HU ngày 25/7/2018 của Huyện ủy Bảo Lâm về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”;
- Đề án số 3540/ĐA-UBND ngày 01/11/2018 “Đề án sắp xếp, điều chỉnh lại mạng lưới trường, lớp; tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn huyện Bảo Lâm giai đoạn 2018-2021”;
- Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 03/01/2019 “Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn huyện Bảo Lâm”;
- Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 25/10/2019 về triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn huyện;
- Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 04/5/2020 về việc bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn huyện Bảo Lâm năm 2020;
- Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018;
- Đề án số 1147/ĐA-UBND ngày 14/5/2021 “Đề án tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại gắn với nâng cao chất lượng giáo dục, hình thành trường phổ thông nhiều cấp học đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND huyện Bảo Lâm giai đoạn 2021 – 2025”;
- Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND huyện V/v Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bảo Lâm;

- Đề án số 1726/ĐA-UBND ngày 27/06/2022 của UBND huyện về việc sắp xếp, tổ chức lại các trường học trực thuộc giai đoạn 2022 – 2025.

2. Văn bản của Phòng GD&ĐT

- Văn bản số 174/PGD&ĐT-GDTH ngày 09/8/2016 “về việc tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn cho CBQL và giáo viên Tiểu học hè 2016” (ND 1: Bồi dưỡng Mô hình trường học mới tại Việt Nam; ND 2: Nghị quyết 29-NQ/TW và những đổi mới căn bản toàn diện giáo dục tiểu học theo Nghị quyết 29-NQ/TW; ND 3: Bồi dưỡng dạy học Mĩ thuật theo phương pháp Đan Mạch; ND 4: Bồi dưỡng dạy học tiếng Việt 1 CGD);

- Kế hoạch số 02/KH-GDMN ngày 15/2/2017 Kế hoạch triển khai chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" giai đoạn 2016-2020;

- Văn bản số 294/PGD&ĐT-GDTrH ngày 21/9/2017 về việc xây dựng chủ đề từ năm học 2017-2018;

- Văn bản số 442/PGD&ĐT ngày 12/12/2018 về việc đôn đốc thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo;

- Kế hoạch số 01/KH-PGD&ĐT ngày 11/01/2019 Phòng GD&ĐT thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025” trong ngành GD&ĐT Bảo Lâm”;

- Văn bản số 154/PGD&ĐT-GDTH ngày 26/5/2019 “về việc hướng dẫn thực hiện dạy học theo mô hình trường học mới, Tiếng Việt 1 Công nghệ giáo dục, tiếng Anh năm học 2017-2018”;

- Văn bản số 207/PGD&ĐT ngày 10/7/2019 về việc xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử trong trường học;

- Văn bản số 418/PGD&ĐT ngày 18/10/2019 về việc hướng dẫn sinh hoạt theo chủ đề về giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh từ năm học 2019-2020;

- Văn bản số 108/PGD&ĐT-GDTH ngày 29/4/2020 “về việc triển khai thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 năm học 2020-2021”;

- Văn bản số 157/PGD&ĐT-GDTH ngày 15/6/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học;

- Văn bản số 200/PGD&ĐT ngày 28/6/2019 “về việc hướng dẫn thực hiện các hoạt động bồi dưỡng theo Chương trình giáo dục phổ thông mới”;

- Văn bản số 421/PGD&ĐT ngày 23/10/2019 về việc tiếp tục triển khai Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học;

- Văn bản số 428/CV-PGD&ĐT ngày 24/10/2019 “về việc hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018”;

- Văn bản số 288/PGD&ĐT ngày 23/9/2020 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TU ngày 03/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao

ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh;

- Văn bản số 301/PGDĐT-GDTH ngày 25/9/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học tự chọn môn tiếng Anh lớp 1, lớp 2 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

- Văn bản số 341/PGDĐT-GDTH ngày 12/10/2020 về việc tăng cường quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tiểu học;

- Kế hoạch số 16/KH-PGDĐT ngày 05/5/2020 “Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm 2020”;

- Văn bản số 157/PGDĐT-GDTH ngày 15/6/2020 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học;

- Công văn số 218/PGDĐT ngày 03/8/2020 về việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh;

- Văn bản số 301/PGDĐT-GDTH ngày 25/9/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học tự chọn môn tiếng Anh lớp 1, lớp 2 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

- Văn bản số 341/PGDĐT-GDTH ngày 12/10/2020 về việc tăng cường quản lý, chỉ đạo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tiểu học;

- Công văn số 419/PGDĐT-THCS ngày 21/10/2022 về việc hướng dẫn triển khai hoạt động NCKH và tổ chức cuộc thi KHKT cấp huyện dành cho học sinh trung học cơ sở năm học 2022 – 2023;

- Văn bản số 60/PGDĐT ngày 01/3/2021 “về việc hướng dẫn tổ chức lựa chọn sách giáo khoa lớp 2 và lớp 6 Chương trình giáo dục phổ thông 2018”;

- Văn bản số 80/PGDĐT ngày 12/3/2021 “về việc hướng dẫn tổ chức lựa chọn sách giáo khoa lớp 2 và lớp 6 tại các cơ sở giáo dục phổ thông”;

- Kế hoạch số 13/KH-PGDĐT ngày 30/3/2021 về tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh ngành giáo dục;

- Văn bản số 139/PGDĐT ngày 20/4/2021 “về việc hướng dẫn cán bộ quản lý và giáo viên phổ thông cốt cán hỗ trợ đồng nghiệp công tác bồi dưỡng đại trà thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018”;

- Kế hoạch số 59/KH-PGDĐT ngày 12/11/2021 Kế hoạch Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 59/KH-PGDĐT ngày 12/11/2021 Kế hoạch Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm" giai đoạn 2021-2025;

- Văn bản số 45/PGDĐT ngày 02/3/2022 “về việc hướng dẫn tổ chức đề xuất lựa chọn sách giáo khoa theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2022-2023”;

- Văn bản số 60/PGDĐT ngày 14/3/2022 “về việc hướng dẫn tổ chức lựa chọn sách giáo khoa lớp 3 Chương trình giáo dục phổ thông 2018”;

- Kế hoạch số 07/KH-PGD&ĐT ngày 22/3/2022 “Kế hoạch thực hiện Phong trào thi đua học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2026”;

- Kế hoạch số 14/KH-PGDĐT ngày 07/4/2022 Kế hoạch thực hiện Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh, thiếu niên, nhi đồng huyện Bảo Lâm giai đoạn 2020-2030” của ngành GD&ĐT huyện Bảo Lâm;

- Kế hoạch số 20/KH-PGDĐT ngày 13/6/2022 Kế hoạch giai đoạn 2 thực hiện Đề án "Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng 2025" trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ trên địa bàn huyện Bảo Lâm;

- Văn bản số 223/PGDĐT ngày 20/7/2022 “về việc rà soát đội ngũ dạy một số môn học mới đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018”;

- Kế hoạch số 33/KH-PGDĐT ngày 09/8/2022 “Kế hoạch truyền thông về giáo dục và đào tạo năm học 2022-2023”;

- Công văn số 02/HD- PGDĐT ngày 16/8/2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông;

- Hướng dẫn số 244/TB-PGDĐT ngày 10/10/2022 về việc xây dựng kế hoạch dạy học tổ bộ môn và kế hoạch dạy học, sử dụng thiết bị môn, khối từ năm học 2022-2023;

- Kế hoạch số 51/KH- PGDĐT ngày 14/11/2022 về việc tổ chức Ngày hội STEM lần thứ I năm học 2022 - 2023;

- Kế hoạch số 01/KH-PGDĐT ngày 11/01/2023 “Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 9186/KH-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy trong ngành GDĐT Bảo Lâm năm 2025, định hướng đến năm 2030”.



PHỤ LỤC 2

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC MẦM NON GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013

(Kèm theo Báo cáo số 192 -BC/HU ngày 11 /04/2023 của Huyện ủy Bảo Lâm)

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	5539	1317	19	1	140	22	278	238
2014	5437	1329	19	1	146	30	290	260
2015	5620	1376	19	1	150	35	305	283
2016	6120	1562	19	1	151	39	323	309
2017	6356	1575	19	1	155	64	316	306
2018	6277	1780	19	1	155	84	329	324
2019	6342	2023	19	1	164	110	342	339
2020	6677	2107	19	1	167	111	347	344
2021	6092	2050	19	1	171	111	353	352
2022	6450	2133	19	1	172	146	349	348

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học MN; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường MN; (4). Số trường MN ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học MN; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên MN; (8). Số giáo viên MN đạt chuẩn.



PHỤ LỤC 3

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013

(Kèm theo Báo cáo số 192 -BC/HU ngày 11 /04/2023 của Huyện uỷ Bảo Lâm)

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	9.993	3490	24	0	361	329	555	534
2014	10.136	3402	24	0	356	341	560	543
2015	10.516	3408	24	0	386	365	558	550
2016	10.843	3465	24	0	386	365	558	550
2017	10.750	3216	24	0	356	319	603	595
2018	10.961	3542	24	0	340	302	667	665
2019	11.500	4034	24	0	366	344	666	653
2020	11.518	4221	22	0	381	281	558	365
2021	12.060	4339	21	0	367	271	520	473
2022	12.140	4545	19	0	378	321	479	347

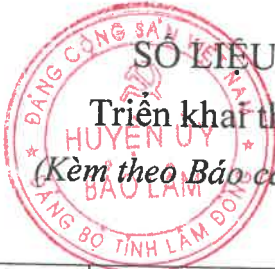
Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học TH; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường TH; (4). Số trường TH ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học TH; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên TH; (8). Số giáo viên TH đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 4

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THCS GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013

(Kèm theo Báo cáo số 192 -BC/HU ngày 11/04/2023 của Huyện uỷ Bảo Lâm)



Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	7281	1813	18	0	168	110	546	544
2014	7659	1834	19	0	168	110	565	564
2015	6864	1858	19	0	173	120	561	559
2016	6974	1720	19	0	173	120	616	614
2017	6718	1589	20	0	178	122	570	568
2018	6749	1589	20	0	180	122	549	548
2019	7060	1990	20	0	192	143	565	564
2020	7562	2005	20	0	226	180	543	543
2021	7942	2163	20	0	226	180	544	544
2022	7808	2273	20	0	239	194	539	539

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học THCS; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THCS; (4). Số trường THCS ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THCS; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THCS; (8). Số giáo viên THCS đạt chuẩn.

PHỤ LỤC 5**SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC THPT GIAI ĐOẠN 2013 - 2023**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013

(Kèm theo Báo cáo số *192* -BC/HU ngày *11* /04/2023 của Huyện uỷ Bảo Lâm)

Năm	Học sinh		Cơ sở vật chất				Giáo viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013	3318	564	4	0	75	70	214	214
2014	3329	553	4	0	75	70	219	219
2015	3325	561	4	0	75	70	220	220
2016	3456	557	S4	0	75	70	216	216
2017	3412	569	4	0	75	70	216	216
2018	3314	560	4	0	75	70	218	218
2019	3140	542	4	0	75	70	216	216
2020	3013	564	4	0	75	70	208	208
2021	3087	560	4	0	79	74	213	213
2022	3350	614	4	0	99	99	215	215

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học THPT; (2). Số học sinh dân tộc thiểu số, học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; (3). Tổng số trường THPT; (4). Số trường THPT ngoài công lập; (5). Tổng số phòng học THPT; (6). Số phòng học kiên cố; (7). Tổng số giáo viên THPT; (8). Số giáo viên THPT đạt chuẩn.



PHỤ LỤC 6

SỐ LIỆU VỀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013

(Kèm theo Báo cáo số 192-BC/HU ngày 11/04/2023 của Huyện ủy Bảo Lâm)

Năm	Sinh viên		Cơ sở vật chất				Giảng viên	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2013								
2014								
2015								
2016								
2017	80	80	1	0			7	7
2018	55	55	1	0			7	7
2019	51	51	1	0			7	7
2020	36	36	1	0			7	7
2021	44	44	1	0			7	7
2022	35	35	1	0			6	6

Ghi chú: (1). Tổng số học sinh theo học nghề; (2). Số sinh viên theo học nghề sau tốt nghiệp THCS; (3). Tổng số cơ sở GDNN; (4). Số cơ sở GDNN ngoài công lập; (5). Số cơ sở đào tạo sơ, trung cấp; (6). Số cơ sở đào tạo cao đẳng; (7). Tổng số nhà giáo GDNN; (8). Số nhà giáo GDNN đạt chuẩn.



PHỤ LỤC 8

MỘT SỐ CHỈ SỐ LIÊN QUAN TỚI GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013

(Kèm theo Báo cáo số 192-BC/HU ngày 11 /04/2023 của Huyện ủy Bảo Lâm)

Năm	Tiếp cận và công bằng giáo dục					Chỉ số về nguồn nhân lực			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2013	75.5	100.0	1.54	13.0		100.0	100.0		
2014	75.8	100.0	1.25	13.8		100.0	100.0		
2015	75.8	100.0	1.49	14.0		100.0	100.0		
2016	79.98	100.0	1.12	12.5		100.0	100.0		
2017	78.67	99.96	0.98	12.9		100.0	100.0		
2018	80.94	100.0	1.11	13.5		100.0	100.0		
2019	82.39	99.91	0.6	13.4		100.0	100.0		
2020	84.7	100.0	0.89	18.0		100.0	100.0		
2021	79.1	100.0	0.52	18.7		100.0	100.0		
2022	79.2	100.0	0.24	20.0		100.0	100.0		

Ghi chú: (1). Tỷ lệ trẻ 3 đến 5 tuổi học mẫu giáo; (2). Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình TH vào lớp 6; (3). Tỷ lệ học sinh lưu ban và bỏ học ở THCS; (4). Tỷ lệ HS theo học nghề sau THCS; (5). Số sinh viên/vạn dân; (6). Tỷ lệ lao động qua đào tạo; (7). Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ; (8). Chỉ số nguồn nhân lực (HCL); (9). Chỉ số phát triển con người (HDI).



PHỤ LỤC 9

CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013

(Kèm theo Báo cáo số 192-BC/HU ngày 11 /04/2023 của Huyện ủy Bảo Lâm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, kế hoạch, dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Kinh phí xã hội hóa	Kết quả
1	XD trường MN Lộc Đức	2013-2014	4.164		4.132
2	XD trường MN Lộc Thành	2013-2014	1.365		1.347
3	XD Trường MN Lộc Bảo	2013-2015	8.000		7.914
4	XD Trường MN Tân Lạc	2013-2015	8.000		7.762
5	XD nhà vệ sinh THCS Lộc An	2013	200		180
6	XD nhà vệ sinh TH Minh Rồng	2013	205		194
7	XD nhà vệ sinh TH Lộc Bảo	2013	284		261
8	XD trường MN Hoa Mai	2014-2015	4.146		4.128
9	XD nhà vệ sinh trường THCS Lộc Quảng	2014	191		190
10	XD nhà vệ sinh trường THCS Lộc Nam	2014	182		182
11	XD nhà vệ sinh trường THCS Lộc Đức	2014	200		199
12	XD nhà vệ sinh trường TH Lộc Thành A	2014	200		195
13	XD nhà vệ sinh trường TH Lộc Ngãi B	2014	200		190

14	XD nhà vệ sinh trường MN Lộc Ngãi B	2014	200		186
15	XD Trường Tiểu học &THCS Nao Lùng	2015-2017	13.580		13.486
16	XD Trường Mầm non xã Lộc Phú, huyện Bảo Lâm	2015-2017	6.500		6.229
17	XD Trường MN Lộc Thành B	2016-2018	8.000		7.347
18	XD Trường MN Lộc Tân	2016-2018	8.000		7.847
19	XD Trường MN Lộc Quảng	2016-2018	8.000		7.980
20	XD Trường MN Lộc Nam	2016-2018	8.000		7.975
21	XD Trường MN Sơn Ca	2016-2018	8.000		7.740
22	XD Trường tiểu học Lộc Bảo	2016-2017	3.377		3.297
23	XD Trường MN Lộc Ngãi B	2016-2018	3.880		3.639
24	XD trường MN Lộc Lâm	2017-2019	8.000		7.770
25	XD Trường MN Lộc Bắc	2017-2019	8.000		7.678
26	XD Trường TH Trần Hưng Đạo	2017-2019	2.250		1.748
27	XD Các phòng học chương trình kiên cố hóa trường, lớp học trên địa bàn huyện Bảo Lâm	2017-2019	12.000		11.955
28	XD Trường TH Lộc Đức A	2017-2019	8.000		7.858

29	XD trường TH Lộc Thắng B	2017-2019	9.000		8.310
30	XD trường TH và THCS Nguyễn Văn Trỗi	2017-2019	12.800		11.770
31	XD Trường THCS Quang Trung	2017-2019	9.400		9.339
32	XD trường TH Đinh Tiên Hoàng	2018-2020	9.000		9.000
33	XD trường TH & THCS Vừ A Dính	2018-2020	8.000		7.872
34	XD trường MN B'Lá	2018-2020	8.000		7.689
35	XD trường TH Lộc Nam C	2018-2020	8.000		8.000
36	XD Trường THCS Lộc Nam	2019-2021	14.500		13.842
37	Trường TH Lộc Thành B	2019-2021	14.000		13.838
38	Trường THCS Trần Phú, Lộc Thắng	2019-2021	14.800		14.318
39	Trường THCS Lộc Thành	2019-2021	14.500		14.452
40	Trường TH Lộc An C	2019-2021	14.800		14.251
41	Trường TH & THCS Vừ A Dính (giai đoạn 2)	2019-2021	9.000		8.974
42	Trường TH Lộc Bắc	2019-2021	11.000		10.981
43	Trường TH Lộc Đức B	2019-2021	5.400		5.220
44	XD các hạng mục phụ trợ trường MN Lộc Thành B	2019-2020	1.958		1.905
45	Dự án XD trường TH&THCS Lê Lợi	2019-2021	1.700		1.696

46	XD Các phòng học chương trình kiên cố hóa trường, lớp học trên địa bàn huyện Bảo Lâm	2020-2021	4.000		3.820
47	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Lộc An B, huyện Bảo Lâm	2020-2022	4.450		3.821
48	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Lộc Ngãi D phân hiệu B	2020-2022	6.000		5.942
49	Cải tạo nâng cấp trường TH Đức Giang	2021	6.500		6.450
50	XD 04 phòng học và 02 phòng chức năng trường tiểu học Lộc Quảng	2022-2024	4.600		
51	XD nhà đa năng trường THCS Lộc Quảng	2023-2025	4.000		
Tổng kinh phí thực hiện:			328.532		311.099

Ghi chú: Thống kê đầy đủ các chương trình, kế hoạch, đề án đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo thuộc chức năng quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.